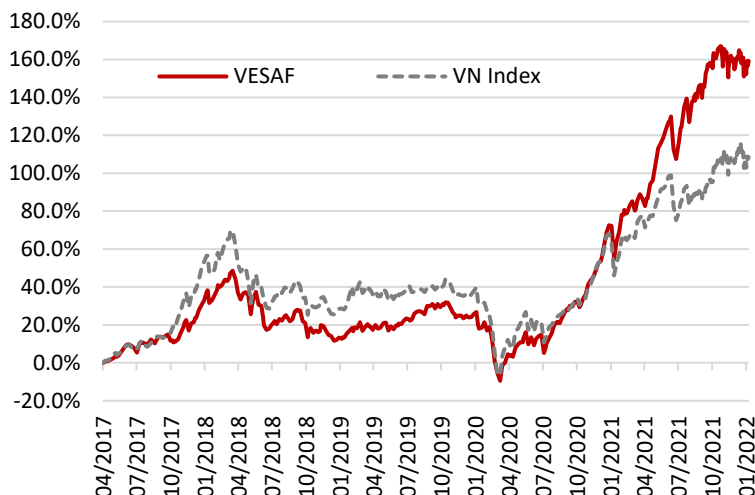


Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tiếp Cận Thị Trường Việt Nam (VESAF)

VESAF Chiến lược đầu tư

Tối đa hóa lợi nhuận đầu tư từ trung đến dài hạn bằng cách tập trung chủ yếu vào các cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ có tiềm năng tăng trưởng lợi nhuận cao, dòng tiền kinh doanh ổn định và mức định giá thấp; các cổ phiếu được nhà đầu tư nước ngoài quan tâm nhưng hết room ngoại.

Tăng trưởng NAV từ ngày thành lập



Dữ liệu trên là kết quả đầu tư trong quá khứ và không phản ánh hiệu quả đầu tư trong tương lai. Lợi nhuận đầu tư và vốn đầu tư sẽ thay đổi do đó Quý nhà đầu tư có thể lời hoặc lỗ khi bán chứng chỉ quỹ. Kết quả đầu tư hiện tại có thể cao hơn hoặc thấp hơn giá trị thể hiện ở trên.

Hiệu suất đầu tư của quỹ VESAF

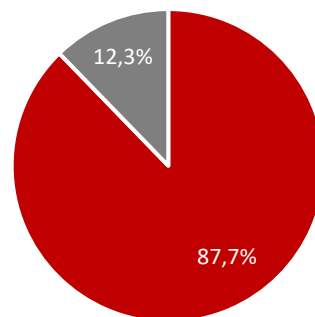
	VESAF	VN-Index
Tổng tài sản Quỹ (AUM) (tỷ VNĐ)	961,8	
Giá trị tài sản ròng/CCQ (NAV) (VNĐ)	25.917,4	
Lợi nhuận tháng 01/2022 (%)	(0,8)	(1,3)
Lợi nhuận từ đầu năm 2022 (%)	(0,8)	(1,3)
Lợi nhuận trung bình 3 năm (%)	31,7	17,5
Lợi nhuận trung bình hàng năm từ khi thành lập (%)	22,1	16,6
Lợi nhuận từ ngày thành lập (%)	159,2	108,5

(Giá trị tài sản ròng của quỹ đã trừ đi các chi phí vận hành và phí quản lý)

Bộ Phận Quan Hệ Nhà Đầu Tư: irwm@vinacapital.com
Tel: +84 28 38 27 85 35

Phân bổ tài sản

% Giá trị tài sản ròng



■ Cổ phiếu ■ Tiền và tương đương tiền

Thông tin quỹ

Ngày thành lập	18/04/2017
Phí quản lý	1,75%/ năm
Phí phát hành	0%
Phí mua lại	<ul style="list-style-type: none"> • 2,0% < 12 tháng • 1,5% >= 12 tháng • 0,5% >= 24 tháng
Mức đầu tư tối thiểu	2.000.000 VNĐ
Ngân hàng giám sát & Lưu ký	Ngân hàng Standard Chartered (Việt Nam)
Công ty kiểm toán	PwC Việt Nam
Tần suất giao dịch	Hàng ngày, từ thứ Hai đến thứ Sáu

Chỉ số danh mục đầu tư

	VESAF	VN-Index
P/E (x)	13,9	16,9
P/B (x)	2,8	2,6
ROE (%)	20,7	15,6
Lợi suất cổ tức (%)	2,0	1,2
Vòng quay danh mục 12 tháng (%)	34,1	-
Hệ số Sharpe	0,92	0,61
Số lượng cổ phiếu	31	407

*Số liệu 12 tháng gần nhất

Nguồn: Bloomberg,
Dự báo của VinaCapital

Phân bố theo ngành

% Giá trị tài sản ròng



Cập nhật thị trường và quỹ VESAF

CẬP NHẬT THỊ TRƯỜNG

Sau khi tăng trong 5 tháng liên tục, chỉ số VN Index giảm 1,3% trong tháng 1/2022. VN Index lập đỉnh lịch sử mới 1.528,6 điểm vào ngày 6/1, nhưng sau đó thị trường giảm và kết thúc tháng ở 1.479,0 điểm.

Thị trường chứng khoán thế giới cũng trải qua một giai đoạn biến động trong tháng 1. Chỉ số MSCI World Index giảm 5,5% trong tháng do thị trường dự báo Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) sẽ tăng mạnh lãi suất để chống lạm phát. Ở Việt Nam, những cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ có tính chất đầu cơ, nhất là những cổ phiếu bất động sản, giảm mạnh sau khi giá đã bị đẩy lên quá cao trong thời gian trước. Chỉ số VN Mid Cap và VN Small Cap giảm 9,3% và 14,8% trong tháng.

Khối ngoại vẫn tiếp tục bán ròng 2,7 nghìn tỷ đồng trên cả ba sàn trong tháng 1. Đây là tháng bán ròng thứ 6 liên tiếp.

Ở mặt tích cực, chỉ số VN30 chỉ giảm 0,2% trong tháng 1 nhờ vào sự phục hồi của các cổ phiếu ngân hàng. Ngành Ngân hàng tăng 8,9% trong tháng, do dòng tiền chuyển từ nhóm cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ sang nhóm ngân hàng. Với việc kinh tế phục hồi sau COVID-19, nhóm ngân hàng được kỳ vọng sẽ đạt được kết quả kinh doanh tích cực trong năm 2022. Bên cạnh đó, ngành tiện ích và năng lượng cũng tăng 6,9% và 1,9% trong tháng 1 nhờ giá dầu tăng.

Tính đến ngày 8/2, 302/421 công ty trên sàn HOSE, chiếm 90% vốn hóa của HOSE, đã công bố kết quả kinh doanh quý 4. Mặc dù bị ảnh hưởng của dịch COVID-19, tổng lợi nhuận của những công ty này vẫn tăng trưởng 10% trong quý 4 và 38% trong cả năm 2021.

Mặc dù có những biến động trong tháng 1, chúng tôi vẫn giữ quan điểm lạc quan về thị trường chứng khoán. Việc thị trường giảm có thể xảy ra trong một số thời điểm khi Fed tăng lãi suất hoặc khi các nhà đầu tư cá nhân trong nước giao dịch quá hưng phấn. COVID-19 cũng là rủi ro cần chú ý nếu tỷ lệ nhập viện tăng cao. Tuy nhiên, chúng tôi tin rằng việc kinh tế phục hồi, tăng trưởng lợi nhuận cao của các doanh nghiệp niêm yết và thị trường chứng khoán đang có định giá hợp lý sẽ chiếm vai trò thăng thế trên thị trường và giúp thị trường chứng khoán vượt qua những sự kiện tiêu cực.

CẬP NHẬT VESAF

VESAF giảm 0,8% trong tháng đầu năm, do danh mục bị ảnh hưởng chung bởi sự điều chỉnh của thị trường dưới các hoạt động chốt lời của các nhà đầu tư cá nhân trước dịp tết nguyên đán. Mặc dù vậy, hai cổ phiếu đầu danh mục là MBB và SZC vẫn tiếp tục duy trì mức tăng trưởng cao trong tháng, vượt trội các cổ phiếu trong cùng ngành.

MBB tăng 16,6% trong tháng 1, so với mức tăng 8,9% của ngành ngân hàng và chỉ đứng sau BID. MBB báo cáo một kết quả lợi nhuận vượt kỳ vọng của các nhà đầu tư, với mức tăng trưởng 82,6% trong quý 4 và 53,7% trong cả năm 2021. Mức tăng trưởng cao trong quý 4 đến từ sự tăng trưởng tín dụng 9,1% so với cuối quý 3, vượt trội so với mức 5,2% của toàn ngành và là một trong những mức tăng cao nhất ngành. Thu nhập ngoài lãi cũng duy trì mức tăng trưởng cao 53,5% so với cùng kỳ. Đặc biệt, áp lực trích lập dự phòng của MBB đã giảm đi sau mức trích lập kỷ lục trong 9 tháng 2021. Chúng tôi vẫn duy trì quan điểm tích cực với triển vọng của MBB trong năm 2022, kỳ vọng lợi nhuận tiếp tục tăng mạnh mẽ 35% và ROE 24,1% trong khi định giá vẫn hấp dẫn với P/B 1,6 lần.

SZC tăng 13,5% trong tháng 1, vượt mức tăng của hầu hết các cổ phiếu trong ngành. Công ty tiếp tục báo cáo tăng trưởng lợi nhuận cao ở mức 187% trong quý 4, được hỗ trợ bởi việc tăng diện tích cho thuê đất công nghiệp cũng như sự tăng giá đất so với năm trước. Cho cả năm 2021, mức tăng trưởng lợi nhuận của SZC là 74% trong khi các công ty cùng ngành đã gặp khó khăn khi dịch bệnh kéo dài. Chúng tôi kỳ vọng năm 2022 tiếp tục là một năm tốt của SZC với triển vọng tăng trưởng lợi nhuận 20%.

Danh mục đầu tư lớn

Cổ phiếu	Ngành	% Giá trị tài sản ròng
MBB	Tài chính	9,0
FPT	Công nghệ	8,8
SZC	Công nghiệp	5,3
KDH	Bất động sản	5,3
QNS	Tiêu dùng thiết yếu	5,0
VPB	Tài chính	4,6
MWG	Tiêu dùng không thiết yếu	4,2
PLC	Vật liệu	3,7
KBC	Bất động sản	3,7
TCB	Tài chính	3,0

Lợi nhuận hằng tháng

	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	Lợi nhuận từ đầu năm
2020	-3,78%	-1,29%	-23,49%	14,96%	6,35%	-1,29%	-1,40%	12,84%	5,16%	1,18%	10,95%	9,01%	25,56%
2021	1,23%	12,46%	1,45%	3,40%	14,12%	6,25%	-1,21%	6,24%	3,67%	6,71%	0,01%	-0,66%	67,03%
2022	-0,81%												-0,81%

Thông tin quan trọng

Những thông tin trong đây do Công ty cổ phần quản lý Quỹ VinaCapital ("Công ty") soạn thảo và có thể được cập nhật, hoàn chỉnh, sửa đổi, điều chỉnh và xác nhận thêm mà không cần phải thông báo.

Thông tin không cấu thành hoặc hình thành nên một phần của bất kỳ chào bán nào hoặc gạ gẫm mua hoặc đăng ký mua bất kỳ cổ phiếu nào cũng như không tạo thành cơ sở hoặc liên quan đến hoặc hành động như là sự thuyết phục tham gia vào bất kỳ hợp đồng hoặc cam kết dưới bất kỳ hình thức nào. Đối với những thông tin dự báo dựa trên việc ước lượng hoặc ý kiến của Công ty tại thời điểm thông tin được đưa ra, Công ty sẽ không có nghĩa vụ xác nhận hoặc cập nhật những thông tin trong tương lai nếu sự ước lượng hoặc ý kiến về tình huống hoặc quản lý thay đổi.